TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/HS-ST
Ngày: 14-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Như Chi

Ông Nguyễn Nam Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2024/HSST ngày 28 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh D, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1993 tại Hà Tĩnh. Nơi đăng ký thường trú: Thôn I, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Công giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Minh N, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. Vợ: Lê Thị U, sinh năm 1979. Con: có 01 con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 26/8/2024. (Có mặt).

- Bị hại: Trần Thị Kim H, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

+ Đoàn Ngọc P, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

+ Nguyễn Văn Â, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Tổ dân phố HT, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

+ Lê Hoàng Ê, sinh năm: 2001. Nơi cư trú: Tổ dân phố NL, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 25/8/2024, Nguyễn Minh D đi đến nhà bà Trần Thị Kim H ở tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; D thấy xe mô tô 79U2-2121 của bà H đang dựng trong sân nhà, cửa cổng không khóa, chìa khóa cắm trên ổ khóa xe, không có người trông coi nên D đi vào lấy trộm xe mô tô này điều khiển bỏ đi.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/8/2024, D đến tiệm sửa xe Thành Minh của anh Nguyễn Thành M để cầm thế xe mô tô này nhưng không được. Lúc này, anh Nguyễn Văn Â (là người sửa xe tại tiệm) nghi ngờ xe trộm cắp của bà H nên báo cho Đoàn Ngọc P (con trai bà H) biết. Sau đó, anh P phát hiện D cùng xe mô tô của bà H tại khu vực trước Ủy ban nhân dân phường CPB nên báo Công an phường CPB làm việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C kết luận: Xe mô tô 79U2-2121 trị giá 9.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 119/CT-VKSCR-HS ngày 24/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đã truy tố bị cáo D về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo D về điều khoản như trên của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D. Xử phạt bị cáo D từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Trần Thị Kim Hoa, người làm chứng Nguyễn Văn Tuất vắng mặt. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khoảng 20 giờ ngày 25/8/2024, tại nhà bà Trần Thị Kim H ở tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Nguyễn Minh D đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của người khác, lén lút trộm cắp 01 xe mô tô 79U2-2121, trị giá 9.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo D có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 119/CT-VKSCR-HS ngày 24/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo D về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý hoài nghi lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành công dân tốt.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Kim H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh D 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn phạt tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị Kim H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND t.p C;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an t.p C;
- Cơ quan thi hành án hình sự t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công